

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

1 Nhận dạng hóa chất

Phân loại sản phẩm

Tên thương mại webercolor power

Mã giao dịch: XXP014265

Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định

Không có thêm thông tin có liên quan.

Hướng dẫn sử dụng Hóa chất dùng trong xây dựng

Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn

Nhà sản xuất / Nhà phân phối:

Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam- Chi nhánh Hiệp Phước

Lô C20B, ĐƯỜNG SỐ 11, KCN HIỆP PHƯỚC, X. HIỆP PHƯỚC, H. NHÀ BÈ, TP. HCM

Phone: +84 08 3930 72 73

Fax: +84 08 3930 72 74

webervn@saint-gobain.com

Số điện thoại khẩn cấp: 093.416.9985

2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại chất và hỗn hợp



Ăn mòn

Có hại cho mắt 1. H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.



Kích ứng da 2 H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens. 1 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhiễm độc cấp tính 5 H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

Nhãn mác

Các yêu tố trên nhãn GHS Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

Các hình biểu thị sự nguy hiểm



GHS05 GHS07

Từ chỉ dấu hiệu Nguy hiểm

Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:

cement, portland, white

Các hướng dẫn về các nguy hiểm

H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

(Xem tiếp ở trang 2)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 1)

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Các hướng dẫn an toàn

P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

P102 Để xa tầm tay trẻ em.

P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước

P305+P351+P338 **NEU DINH MAT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ

P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc

P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các thông tin đính kèm:

Safety data sheet available on request.

This Safety Data Sheet is provided by the supplier on a voluntary basis according to the Article 32 of the Regulation (EC) No 1907/2006 (REACH).

Các dấu hiệu nguy hiểm khác:

The product contains white cement with a content of soluble chromium (VI) below 0.0002% (2ppm), it doesn't need a reducing agent

Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results

PBT: Không được áp dụng

vPvB: Không được áp dụng

3 Thông tin về thành phần các chất

Mô tả tính chất hóa học: Hỗn hợp

Mô tả Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

Các chất thành phần nguy hiểm:

CAS: 65997-15-1	cement, portland, white	25-50%
	 Có hại cho mắt 1., H318;  Kích ứng da 2, H315; Nhiễm độc cấp tính 5, H313	

SVHC Void

Các hướng dẫn đính kèm:

The product contains white cement with a content of soluble chromium (VI) below 0.0002% (2 ppm). It doesn't need any chromate reducing agent.

Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

VN

(Xem tiếp ở trang 3)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 2)

4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Mô tả về các biện pháp sơ cứu

Hướng dẫn chung:

Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nếu nạn nhân không ổn, gọi bác sĩ và đưa kèm bảng thông tin này

Sau khi hít vào: Cung cấp không khí trong lành, hỏi ý kiến bác sĩ trong trường hợp người bệnh bị đau.

Sau khi tiếp xúc với da: Rửa thật sạch với nước

Sau khi tiếp xúc với mắt: Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút

Sau khi nuốt phải: Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ

Thông tin dành cho bác sĩ:

Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:

Không có thông tin liên quan nào khác

Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt

Không có thêm thông tin liên quan

5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Các phương tiện chữa cháy

Các giải pháp chữa cháy thích hợp

CO₂, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước hay bột ARC

Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp Không có thêm thông tin liên quan

Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy

Các thiết bị bảo vệ Không cần đến những biện pháp đặc biệt

6 Thông tin về độc tính

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp

Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm

Tránh tạo bụi

Đảm bảo thoáng khí

Các biện pháp bảo vệ môi trường

Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào

Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch

Sử dụng chất trung hòa.

Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13

Dọn bằng máy

Đảm bảo thoáng khí

Liên hệ đến các phần khác

Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn

Xem phần 8 để biết thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân

Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

VN

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 3)

7 Thông tin về sinh thái**Xử lý****Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**

Dùng bộ hút chiết nếu thấy có bụi

Đậy kín bình chứa

Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí

Tránh hình thành bụi

Thông tin về các biện pháp chống cháy nổ Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt**Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích****Lưu trữ:****Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Chỉ được đựng trong các bình chứa mới và chưa mở**Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường**

Tránh xa thực phẩm

Đề xa nước

Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ

Tránh độ ẩm và nước

Đề ở nơi thoáng mát và trong điều kiện được dán kín

Tác dụng của sản phẩm Không có thêm thông tin liên quan**8 Biện pháp sơ cứu về y tế****Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7**Các thông số điều khiển****Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

Mã CAS	Chỉ định vật liệu %	Loại	Giá trị đơn vị
CAS: 65997-15-1 cement, portland, white			
PEL (US)	Giá trị dài hạn: 50 mppcf or 15* 5** mg/m ³ *total dust **respirable fraction		
REL (US)	Giá trị dài hạn: 10* 5** mg/m ³ *total dust **respirable fraction		
TLV (US)	Giá trị dài hạn: 1* mg/m ³ E; *as respirable fraction		

Thông tin bổ sung Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở**Kiểm soát các tình huống nguy hiểm****Các thiết bị an toàn cá nhân****Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được đi kèm khi xử lý hóa chất

Tránh tiếp xúc với mắt và da

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi

rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm

Sử dụng kem dưỡng ẩm sau khi tiếp xúc với sản phẩm

(Xem tiếp ở trang 5)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 4)

Loại bỏ ngay tập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn

Bảo vệ đường hô hấp:

Thiết bị lọc trong thời gian ngắn

Bộ lọc P2

Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi

Bảo vệ tay Găng tay bảo hộ**Chất liệu của găng tay**

Găng tay Neoprene

Cao su Nitrile, NBR

Bảo vệ mắt Eye Kính an toàn**Bảo vệ thân thể:** Quần áo bảo hộ lao động**9 Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn****Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản****Thông tin tổng quát****Diện mạo:****Hình thức::**

Dạng bột

Màu:

Khác nhau theo màu sắc

Mùi:

Không điển hình

Ngưỡng mùi:

Không xác định.

Độ pH:

Kiềm

Thay đổi trong điều kiện**Điểm tan / Phạm vi tan**

Không xác định

Điểm sôi / Phạm vi sôi

Không xác định.

Điểm bay hơi:

Không thể áp dụng.

Tính dễ cháy (rắn, khí):

Sản phẩm không cháy.

Nhiệt độ cháy:

Không xác định.

Nhiệt độ phân hủy:

Không xác định.

Tự cháy:

Sản phẩm không tự bốc cháy.

Nguy hiểm do cháy nổ:

Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ

Giới hạn nổ:**Dưới:**

Không xác định

Trên:

Không xác định.

Tính chất ôxi hóa

Không xác định.

Áp lực hơi::

Không xác định.

Mật độ:

Không xác định.

Mật độ tương đối:

Không xác định.

(Xem tiếp ở trang 6)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 5)

Mật độ của hơi:	Không thể áp dụng.
Tỉ lệ bay hơi:	Không thể áp dụng.
Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với: Nước:	Làm cứng khi tiếp xúc với nước.
Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
Độ nhớt:	
Động	Không thể áp dụng.
Tĩnh	Không thể áp dụng.
Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	0.0 %
Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Phản ứng: Không có thêm thông tin liên quan

Sự ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện lưu trữ như khuyến cáo

Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh:: Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.

Khả năng phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với các axit.

Phản ứng với nước.

Các điều kiện cần tránh: Không có thêm thông tin liên quan

Vật liệu không tương thích: Không có thêm thông tin liên quan.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

11 Yêu cầu về cất giữ

Thông tin về các hiệu ứng độc tính:

Ngộ độc cấp tính:

Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50

Thành phần	Loại	Giá trị	Loài
CAS: 1317-65-3 limestone			
Miếng	LD50	>10,000 mg/kg	(Oncorhynchus mykiss (Rainbow trout))
CAS: 65997-15-1 cement, portland, white			
Da	LD50	>2,000 mg/kg	(Rabbit)

Hiệu ứng kích thích sơ cấp:

Trên da Không có tác dụng kích ứng.

Trên mắt: Không có tác dụng kích ứng.

(Xem tiếp ở trang 7)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 6)

Thông tin thêm về độc tính::

Sản phẩm này không phân loại theo phương pháp tính toán hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất .

12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**Độc tính**

Thủy sản độc tính: Không được liệt kê là thành phần có hại cho môi trường nước

Dạng kiểm tra:	Tập trung hiệu	Phương pháp	Đánh giá
CAS: 1317-65-3 limestone			
EC50/48h	>1,000 mg/l (Daphnia magna)		
EC50/72h	>200 mg/l (Algae)		

Sự tồn tại và thoái hóa : Không có thêm thông tin liên quan.

Hành vi trong các hệ thống môi trường:

Tiềm năng tích lũy sinh học Không có thêm thông tin liên quan.

Tính lưu động trong đất Không có thêm thông tin liên quan.

Ảnh hưởng của sinh thái độc**Ghi chú:**

Sản phẩm có thể gây bụi trong nước

. Sản phẩm có thể gây thay đổi pH, do đó có ảnh hưởng đến các loài cá và vi khuẩn

Ghi chú: Sản phẩm gây thay đổi pH đáng kể, cần trung hòa trước khi sử dụng

Bổ sung thông tin sinh thái:**Ghi chú tổng quát:**

Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .

Kết quả của đánh giá PBT và vPvB

PBT PBT: Không có khả năng ứng dụng.

vPvB vPvB: Không có khả năng ứng dụng.

Các hiệu ứng bất lợi Không có thêm thông tin liên quan.

13 Yêu cầu trong việc thải bỏ**Phương pháp xử lý chất thải**

Khuyến nghị Dispose of the product in accordance with national and local regulations.

Bao bì bán

Khuyến nghị: Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

Các chất tẩy rửa được khuyến nghị sử dụng

Thoroughly shake out sacks.

Nước, nếu cần, kết hợp với chất tẩy rửa.

VN

(Xem tiếp ở trang 8)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 7)

14 Yêu cầu trong vận chuyển

Mã LHQ (UN) ADR, ADN, IMDG, IATA	khoảng trống
Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ ADR, ADN, IMDG, IATA	khoảng trống
vận chuyển các lớp học nguy hiểm ADR, ADN, IMDG, IATA lớp	khoảng trống
Nhóm bao bì ADR, IMDG, IATA	khoảng trống
Các môi trường nguy hiểm:	Không có khả năng ứng dụng..
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:	Không có khả năng ứng dụng.
Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC	Không có khả năng ứng dụng.
Mẫu chuẩn của LHQ:	khoảng trống

15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp

Các yêu tố trên nhãn GHS

cf. section 2

Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

Các hình biểu thị sự nguy hiểm



GHS05 GHS07

Từ chỉ dấu hiệu Nguy hiểm

Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:

cement, portland, white

Các hướng dẫn về các nguy hiểm

H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Các hướng dẫn an toàn

P101

Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

(Xem tiếp ở trang 9)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.22

Tên thương mại webercolor power

(Xem tiếp ở trang 8)

- P102 Để xa tầm tay trẻ em.
P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước
P305+P351+P338 **NẾU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa
P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc
P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Đánh giá an toàn hóa chất: Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

16 Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

Nơi phát hành bằng hướng dẫn an toàn hóa chất: R&D SEA**Liên hệ:**

Eik Hermkens

Phone: +66632172591

erik.hermkens@saint-gobain.com

Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

IATA-DGR: Dangerous Goods Regulations by the "International Air Transport Association" (IATA)

ICAO: International Civil Aviation Organisation

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

SVHC: Substances of Very High Concern (REACH regulation)

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity – Category 5

Kích ứng da 2: Skin corrosion/irritation – Category 2

Có hại cho mắt 1.: Serious eye damage/eye irritation – Category 1

Skin Sens. 1: Skin sensitisation – Category 1